

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v trông chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Đinh Thị Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Chí H, sinh năm: 1977. Nơi ĐKKHKT: Ấp H, xã M, huyện H tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm: 1969. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã M, huyện H tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Chí H trình bày: Vào năm 1999, vợ chồng bà quen biết nhau, được sự thống nhất của hai gia đình hai bên, ông bà tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 15/05/2000. Quá trình chung sống, ông bà có hai con chung là cháu Lý Trần Minh Tân, sinh ngày 03/08/2000 và cháu Trần Thị Trâm Anh, sinh ngày 08/11/2008. Lý do bà xin ly hôn với ông T, là vì vợ chồng bà sống không hợp nhau, ông T tính tình khó khăn, sống gia trưởng và hay ghen tuông vô cớ. Trong suốt quá trình chung sống, ông T thường hay chửi mắng, xúc phạm nhân phẩm và đánh đập bà nhiều lần, dù bà không làm gì sai trái, từ đó khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, gia đình không còn hạnh phúc. Nhiều lần bà muốn ly hôn nhưng vì thương các con nên bà cố chịu

đựng, đến nay không thể chịu đựng được nữa nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung, cháu Tân đã lớn có gia đình riêng, bà không yêu cầu Tòa giải quyết, còn cháu Trâm Anh muốn ở với cha hay mẹ là tùy ở con. Nếu con muốn ở với bà, bà nhận nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà H, ông T, nhưng ông, bà không có mặt tại phiên tòa, riêng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 15/05/2000, đó đó hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng, giữa bà H và ông T thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân rạn nứt, bà H không còn tình cảm với ông T. Xét thấy cuộc hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H về việc cho bà ly hôn với ông T.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, ông bà có hai con chung là cháu Lý Trần Minh Tân, sinh ngày 03/08/2000 và cháu Trần Thị Trâm Anh, sinh ngày 08/11/2008. Cháu Tân đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Anh có nguyện vọng muốn ở với bà H và bà H nhận nuôi con, xét nên giao cháu Anh cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà H yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2 và khoản 3, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Chí H ly hôn với ông Trần Văn T.
 2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Trâm Anh, sinh ngày 08/11/2008 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Ông T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
 3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.
 4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
 5. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001691 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà H đã nộp xong.
- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*
6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Mỹ Hiệp Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

